

V/v công bố Báo cáo tài chính giữa niên  
độ đã được soát xét năm 2024 và giải  
trình chênh lệch lợi nhuận

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ
2. Mã chứng khoán: SBH
3. Địa chỉ trụ sở chính: 498 Đại Lộ Hùng Vương-Phường 9-TP Tuy Hòa-tỉnh Phú Yên.
4. Điện thoại: 0257.3811.456 Fax: 0257.3811.455
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Hữu Phúc - Tổng Giám đốc Công ty
6. Nội dung thông tin công bố: Công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 và giải trình chênh lệch lợi nhuận.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/8/2024 tại đường dẫn <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc <http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**(\*) Tài liệu đính kèm gồm:**

- Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2024.
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận.

**Nơi nhận:**

- Như trên ;
- HĐQT (b/c);
- BKS (đề biết);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Vũ Hữu Phúc**

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận  
sau thuế sáu tháng đầu năm 2024 so  
với sáu tháng đầu năm 2023

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (SBH) kính giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2024 so với sáu tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sáu tháng đầu năm 2024 so với sáu tháng đầu năm 2023 thay đổi từ 10% trở lên:

Chỉ tiêu	ĐVT	06 tháng năm 2023	06 tháng năm 2024	Tăng (Giảm)	Tỷ lệ %
<b>I. Tổng Doanh thu</b>	Tỷ đồng	<b>271,87</b>	<b>154,25</b>	<b>-117,62</b>	<b>-43,26</b>
<b>II. Tổng Chi phí</b>	Tỷ đồng	<b>200,59</b>	<b>161,21</b>	<b>-39,38</b>	<b>-19,63</b>
<b>Trong đó:</b>					
<b>1. Hoạt động sản xuất điện</b>					
Sản lượng điện	Tr.Kwh	185,57	105,14	-80,44	-43,34
Doanh thu SX điện	Tỷ đồng	243,25	140,04	-103,21	-42,43
Chi phí SX điện	Tỷ đồng	200,59	161,20	-39,39	-19,64
Lợi nhuận SX điện	Tỷ đồng	42,66	-21,16	-63,82	-149,60
<b>2. Hoạt động tài chính</b>					
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	28,62	13,80	-14,82	-51,78
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-	-	-	-
Lợi nhuận	Tỷ đồng	28,62	13,80	-14,82	-51,78
<b>3. Hoạt động khác</b>					
Doanh thu khác	Tỷ đồng	-	0,41	0,41	-
Chi phí khác	Tỷ đồng	-	0,01	0,01	-
Lợi nhuận	Tỷ đồng	-	0,40	0,40	-
<b>4. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	Tỷ đồng	<b>71,28</b>	<b>-6,96</b>	<b>-78,24</b>	<b>-109,76</b>
<b>5. Thuế TNDN</b>	Tỷ đồng	<b>10,08</b>	<b>-</b>	<b>-10,08</b>	<b>-100,00</b>
<b>6. Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	Tỷ đồng	<b>61,20</b>	<b>-6,96</b>	<b>-68,16</b>	<b>-111,37</b>

Lợi nhuận sau thuế 06 tháng năm 2024 giảm 111,37% so với cùng kỳ năm 2023, nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Do sản lượng điện thương phẩm 06 tháng đầu năm 2024 giảm -43,34 so với cùng kỳ năm 2023 dẫn đến doanh thu sản xuất điện năm 2024 giảm 42,43% so với cùng kỳ năm 2023.

- Do doanh thu tài chính 06 tháng đầu năm 2024 giảm 14,82% so với cùng kỳ năm 2023.

- Tổng chi phí 06 tháng đầu năm 2024 giảm 19,63% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Lợi nhuận sau thuế chênh lệch trước và sau soát xét từ 5% trở lên:

Chỉ tiêu	Trước soát xét bán niên năm 2024	Sau soát xét bán niên năm 2024	Tăng/giảm	Tỷ lệ %
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-9.330.074.261	-6.962.902.707	2.367.171.554	25,37

Do điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp của Quý I năm 2024 là: 2.367.171.554 đồng sang phải thu thuế phải nộp Nhà nước do kết quả kinh doanh lũy kế 06 tháng bị lỗ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ kính báo cáo Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Quý cổ đông biết.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (b/cáo);
- BKS (để biết);
- Website Công ty;
- Lưu: VT, TCKT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Vũ Hữu Phúc**

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ thực hiện công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

- Mã chứng khoán: SBH

- Địa chỉ: 498 Đại lộ Hùng Vương-Phường 9-TP Tuy Hòa-tỉnh Phú Yên.

- Điện thoại liên hệ: 0257.2470.999

- Email: thuthanhsbh@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét năm 2024.

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2024 tại đường dẫn: <http://www.sbh.evn.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> hoặc <http://www.sbh.vn/c3/vi-VN/gioi-thieu-w/Thong-tin-SBH-OTC-3-1268> của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố./.

***Tài liệu đính kèm:***

- Báo cáo Tài chính giữa niên độ đã được soát xét năm 2024.
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận.

***Nơi nhận:***

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCKT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Vũ Hữu Phúc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG BA HẠ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024**

Lưu UHY

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32





## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tạng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên
Ông Vũ Hữu Phúc	Thành viên
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên

Bổ nhiệm ngày 10/4/2024

#### Ban Kiểm soát

Ông Ngô Đức Thăng	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên
Bà Dương Kim Ngân	Thành viên
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 10/4/2024

Bổ nhiệm ngày 10/4/2024

#### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Vũ Hữu Phúc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Đoàn Thị Mỹ Đông

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)


- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Vũ Hữu Phúc  
Tổng Giám đốc

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024



Số: 799 /2024/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 32 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



## BÁ BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo soát xét đề ngày 11/8/2023.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo kiểm toán đề ngày 28/3/2024.



**Nguyễn Minh Long**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
*Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>749.627.025.705</b>	<b>1.409.280.032.230</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>63.000.912.576</b>	<b>228.964.765.565</b>
Tiền	111		8.000.912.576	8.964.765.565
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	220.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>609.000.000.000</b>	<b>585.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		609.000.000.000	585.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>70.400.738.662</b>	<b>593.296.204.208</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	46.187.102.726	571.868.462.824
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		11.006.092.081	4.151.584.968
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	13.207.543.855	17.276.156.416
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>4.710.785.088</b>	<b>2.019.062.457</b>
Hàng tồn kho	141		4.710.785.088	2.019.062.457
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.514.589.379</b>	<b>-</b>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	13	2.514.589.379	-
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>723.766.403.713</b>	<b>820.682.044.610</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>669.567.733.969</b>	<b>772.515.230.926</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	664.973.095.434	767.681.425.071
- Nguyên giá	222		4.256.098.971.813	4.256.144.471.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.591.125.876.379)	(3.488.463.046.742)
Tài sản cố định vô hình	227	11	4.594.638.535	4.833.805.855
- Nguyên giá	228		6.776.510.046	6.776.510.046
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.181.871.511)	(1.942.704.191)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.910.555.106</b>	<b>34.878.699.046</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	40.910.555.106	34.878.699.046
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.288.114.638</b>	<b>13.288.114.638</b>
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		13.288.114.638	13.288.114.638
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.473.393.429.418</b>	<b>2.229.962.076.840</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>43.729.582.551</b>	<b>117.571.615.516</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.229.582.551</b>	<b>104.071.615.516</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.524.462.474	26.308.837.428
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	4.174.178.729	51.210.834.737
Phải trả người lao động	314		1.607.719.988	11.195.287.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	200.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	3.287.333.883	9.755.845.276
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.635.887.477	5.400.810.727
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.500.000.000</b>	<b>13.500.000.000</b>
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		13.500.000.000	13.500.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.429.663.846.867</b>	<b>2.112.390.461.324</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>1.429.663.846.867</b>	<b>2.112.390.461.324</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		48.000.000.000	48.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		146.199.981.940	127.436
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(6.786.135.073)	822.140.333.888
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		176.767.634	104.485.542
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6.962.902.707)	822.035.848.346
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.473.393.429.418</b>	<b>2.229.962.076.840</b>

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Đặng Thị Lan

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Đông

Tổng Giám đốc



Vũ Hữu Phúc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	140.038.020.214	243.252.479.373
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		140.038.020.214	243.252.479.373
Giá vốn hàng bán	11	17	137.883.600.567	175.449.316.266
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.154.419.647	67.803.163.107
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	13.804.590.605	28.619.737.991
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	23.313.904.555	25.141.536.049
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.354.894.303)	71.281.365.049
Thu nhập khác	31		409.651.596	-
Chi phí khác	32		17.660.000	-
Lợi nhuận khác	40		391.991.596	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.962.902.707)	71.281.365.049
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	10.082.218.395
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.962.902.707)	61.199.146.654
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	(56)	493
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23	(56)	493

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Đặng Thị Lan

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Đông





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
*Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	1	(6.962.902.707)	71.281.365.049
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	102.971.916.957	100.892.826.212
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(13.804.590.605)	(28.619.737.991)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước</b>	<b>08</b>	<b>82.204.423.645</b>	<b>143.554.453.270</b>
<b>thay đổi vốn lưu động</b>			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	102.635.141.229	262.296.305.214
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(2.691.722.631)	(1.379.482.179)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay	11	(49.896.392.509)	14.115.805.595
phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.739.021.921)	(21.244.076.099)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	439.651.596	6.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(5.036.090.000)	(6.607.150.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>	<b>100.915.989.409</b>	<b>390.741.855.801</b>
<b>doanh</b>			
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài	21	(6.271.550.400)	(12.697.830.877)
sản dài hạn khác			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn	23	(379.000.000.000)	(417.000.000.000)
vị khác			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	355.000.000.000	291.500.000.000
của đơn vị khác			
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.047.187.866	12.877.099.634
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.224.362.534)</b>	<b>(125.320.731.243)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(253.655.479.864)	(133.125.572.930)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(253.655.479.864)</b>	<b>(133.125.572.930)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(165.963.852.989)</b>	<b>132.295.551.628</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	228.964.765.565	4.347.235.928
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	63.000.912.576	136.642.787.556

Người lập biểu

Đặng Thị Lan

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Mỹ Đông

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc

Vũ Hữu Phúc





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 4400415302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 5 được cấp ngày 4 tháng 6 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại 498, Đại lộ Hùng Vương, phường 9, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2023 là 1.242.250.000.000 đồng chia thành 124.225.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tổng Công ty Phát điện 2-CTCP góp 767.409.310.000 đồng, chiếm tỷ lệ 61,78%, Công ty TNHH Năng lượng REE góp 320.000.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 25,76%, các cổ đông khác góp 154.840.690.000 đồng, chiếm tỷ lệ 12,46%.

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại sàn giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ ngày 07 tháng 6 năm 2018 với mã chứng khoán SBH.

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là sản xuất điện.

#### 1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 đã được soát xét.

#### 1.8 NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 107 người (tại ngày 31/12/2023 là 108 người).

### 2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

### **2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

#### **2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

#### **3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá xuất của hàng hóa miễn thuế được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 15
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	03 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 10

#### 3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất có thời hạn được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

##### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

#### 3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.10 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

#### 3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 3.12 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, danh sách cổ đông được chốt chính thức và được UBCK chấp thuận.

#### 3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

0415  
NG T  
PHÁ  
JY Đ  
IG BA  
0A-T.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.13 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận chỉ số tiêu thụ của khách hàng.

#### 3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

##### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT được ghi nhận tại thời điểm phát hành hóa đơn.

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0402081656, thay đổi lần thứ 1 ngày 10/10/2016. Theo đó, điều kiện Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN là thu nhập từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2010 đến năm 2013), giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022).

Từ năm 2023, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

#### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 3.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính là bán điện, các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (tỉnh Phú Yên, Việt Nam). Do đó, theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	749.842.335	450.738.580
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.251.070.241	8.514.026.985
- Các khoản tương đương tiền	55.000.000.000	220.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>63.000.912.576</b>	<b>228.964.765.565</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	609.000.000.000	609.000.000.000	585.000.000.000	585.000.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	609.000.000.000	609.000.000.000	585.000.000.000	585.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>609.000.000.000</b>	<b>609.000.000.000</b>	<b>585.000.000.000</b>	<b>585.000.000.000</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	46.187.102.726	-	571.868.462.824	-
- Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	46.187.102.726	-	571.868.462.824	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.187.102.726</b>	<b>-</b>	<b>571.868.462.824</b>	<b>-</b>

Phải thu các bên liên quan: Chi tiết tại Thuyết minh số 24.1



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	13.207.543.855	-	17.276.156.416	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	-	-
- Tạm ứng	364.400.000	-	201.300.000	-
- Phải thu khác	471.768.513	-	1.460.883.813	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	12.371.375.342	-	15.613.972.603	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.207.543.855</b>	<b>-</b>	<b>17.276.156.416</b>	<b>-</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.789.523.709	-	1.972.281.046	-
Công cụ, dụng cụ	921.261.379	-	46.781.411	-
<b>Cộng</b>	<b>4.710.785.088</b>	<b>-</b>	<b>2.019.062.457</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**9. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>40.910.555.106</b>	<b>34.878.699.046</b>
- Công trình xây dựng trụ sở công ty tại đường Hùng Vương	33.175.782.769	33.175.782.769
- Dự án khác	7.734.772.337	1.702.916.277
<b>Cộng</b>	<b>40.910.555.106</b>	<b>34.878.699.046</b>

KINH D  
M.S.D  
C.T.C.P. M.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	2.754.110.214.847	1.431.516.547.055	8.223.728.542	62.293.981.369	4.256.144.471.813
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(45.500.000)	(45.500.000)
30/06/2024	2.754.110.214.847	1.431.516.547.055	8.223.728.542	62.248.481.369	4.256.098.971.813
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(2.055.633.305.981)	(1.403.343.840.957)	(3.000.509.259)	(26.485.390.545)	(3.488.463.046.742)
- Khấu hao trong kỳ	(67.924.316.526)	(28.137.593.655)	(404.003.400)	(6.242.416.056)	(102.708.329.637)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	45.500.000	45.500.000
30/06/2024	(2.123.557.622.507)	(1.431.481.434.612)	(3.404.512.659)	(32.682.306.601)	(3.591.125.876.379)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	698.476.908.866	28.172.706.098	5.223.219.283	35.808.590.824	767.681.425.071
30/06/2024	630.552.592.340	35.112.443	4.819.215.883	29.566.174.768	664.973.095.434

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay: Tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 Công ty không có khoản vay.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 1.804.620.111.934 đồng, tại ngày 01/01/2024 là 36.009.743.871 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
01/01/2024	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
30/06/2024	4.500.000.000	2.276.510.046	6.776.510.046
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
01/01/2024	(652.500.000)	(1.290.204.191)	(1.942.704.191)
- Khấu hao trong kỳ	(45.000.000)	(194.167.320)	(239.167.320)
30/06/2024	(697.500.000)	(1.484.371.511)	(2.181.871.511)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
01/01/2024	<u>3.847.500.000</u>	<u>986.305.855</u>	<u>4.833.805.855</u>
30/06/2024	<u>3.802.500.000</u>	<u>792.138.535</u>	<u>4.594.638.535</u>

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay: Tại ngày 01/01/2024 và 30/06/2024 Công ty không có khoản vay.

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 680.816.448 đồng tại ngày 01/01/2024 là 680.816.448 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	6.524.462.474	6.524.462.474	26.308.837.428	26.308.837.428
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật T&H	-	-	5.949.885.568	5.949.885.568
- Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	80.233.393	80.233.393	5.241.442.756	5.241.442.756
- Công ty TNHH phát triển thương mại và dịch vụ kỹ thuật Hải Linh	-	-	2.671.012.800	2.671.012.800
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương mại Ngọc Bảo	2.595.177.483	2.595.177.483	2.595.177.483	2.595.177.483
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.741.474.603	1.741.474.603	707.127.759	707.127.759
- Các nhà cung cấp khác	2.107.576.995	2.107.576.995	9.144.191.062	9.144.191.062
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.524.462.474	6.524.462.474	26.308.837.428	26.308.837.428

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 24.1

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

**Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên
- Phí dịch vụ môi trường và phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước
- Các loại thuế khác

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
7.500.783.419	14.473.598.143	20.726.900.052	1.247.481.510	
24.371.850.367	-	24.371.850.367	-	
131.484.845	901.652.640	1.033.137.485	-	
7.321.486.026	10.549.278.019	16.357.482.554	1.513.281.491	
11.885.230.080	6.743.351.384	17.215.165.736	1.413.415.728	
-	58.001.184	58.001.184	-	
<b>51.210.834.737</b>	<b>32.725.881.370</b>	<b>79.762.537.378</b>	<b>4.174.178.729</b>	

**Thuế và các khoản phải thu**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
-	-	-	2.367.171.554	2.367.171.554
-	-	-	147.417.825	147.417.825
-	-	-	<b>2.514.589.379</b>	<b>2.514.589.379</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**14. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.287.333.883</b>	<b>9.755.845.276</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	96.004.581	54.836.331
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.191.329.302	9.701.008.945
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.497.852.329</i>	<i>2.300.668.496</i>
+ <i>Thuế GTGT phải trả</i>	<i>1.666.481.973</i>	<i>7.388.698.257</i>
+ <i>Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>26.995.000</i>	<i>11.642.192</i>
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.287.333.883</b>	<b>9.755.845.276</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>334.664.064.163</b>	<b>632.566.816.315</b>	<b>2.257.480.880.478</b>					
- Lãi trong năm trước	-	-	-	487.332.848.346	487.332.848.346					
- Tăng khác	-	-	-	-	-					
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(39.063.273)	(39.063.273)					
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	39.063.273	(18.130.642.500)	(18.130.642.500)					
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(614.292.625.000)	(614.292.625.000)					
+ Chia cổ tức	-	-	-	334.703.000.000	334.703.000.000					
- Hoàn nhập quỹ đầu tư phát triển	-	-	(334.703.000.000)	-	-					
<b>31/12/2023</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>127.436</b>	<b>822.140.333.888</b>	<b>2.112.390.461.324</b>					
<b>01/01/2024</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>127.436</b>	<b>822.140.333.888</b>	<b>2.112.390.461.324</b>					
- Lãi (Lỗ) trong kỳ này	-	-	-	(6.962.902.707)	(6.962.902.707)					
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	146.199.854.504	(821.963.566.254)	(675.763.711.750)					
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	146.199.854.504	(146.199.854.504)	-					
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(14.265.586.750)	(14.265.586.750)					
+ Chia cổ tức	-	-	-	(661.498.125.000)	(661.498.125.000)					
<b>30/06/2024</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>48.000.000.000</b>	<b>146.199.981.940</b>	<b>(6.786.135.073)</b>	<b>1.429.663.846.867</b>					

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 1309/ND-SBH ngày 24/05/2024.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**15.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2024		01/01/2024	
	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Phát điện 2 - CTCP	767.409.310.000	61,8%	767.409.310.000	61,8%
Công ty TNHH Năng lượng REE	320.000.000.000	25,8%	320.000.000.000	25,8%
Vốn góp của các đối tượng khác	154.840.690.000	12,5%	154.840.690.000	12,5%
<b>Cộng</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.242.250.000.000</b>	<b>100%</b>

**15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	1.242.250.000.000	1.242.250.000.000
- Cổ tức đã chia	661.498.125.000	124.225.000.000

**15.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	124.225.000	124.225.000
+ Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	124.225.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.225.000	124.225.000
+ Cổ phiếu phổ thông	124.225.000	124.225.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**15.5 CỔ TỨC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm	661.498.125.000	124.225.000.000
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	661.498.125.000	124.225.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**15.6 CÁC QUỸ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	146.199.981.940	127.436

**16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
a) Doanh thu	140.038.020.214	243.252.479.373
- Doanh thu bán điện	140.038.020.214	243.252.479.373
<b>Cộng</b>	<b>140.038.020.214</b>	<b>243.252.479.373</b>
b) Doanh thu với các bên liên quan: <i>Chi tiết tại Thuyết minh 24.1</i>		

**17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Giá vốn bán điện	137.883.600.567	175.449.316.266
<b>Cộng</b>	<b>137.883.600.567</b>	<b>175.449.316.266</b>

**18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	13.804.590.605	28.619.737.991
<b>Cộng</b>	<b>13.804.590.605</b>	<b>28.619.737.991</b>

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<b>23.313.904.555</b>	<b>25.141.536.049</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	6.911.994.897	6.520.015.152
- Chi phí vật liệu quản lý	363.025.223	117.213.636
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	161.337.186	127.427.946
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.594.876.404	1.460.301.752
- Chi phí bằng tiền khác	14.282.670.845	16.916.577.563
<b>Cộng</b>	<b>23.313.904.555</b>	<b>25.141.536.049</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	512.447.126	1.292.439.183
- Chi phí nhân công	13.935.489.036	13.265.683.973
- Khấu hao tài sản cố định	102.923.076.957	100.892.826.212
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	17.347.630.587	27.885.593.402
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.378.597.299	4.117.919.058
- Chi phí sửa chữa lớn	-	31.006.985.741
- Chi phí bằng tiền khác	22.100.264.117	22.129.404.746
<b>Cộng</b>	<b>161.197.505.122</b>	<b>200.590.852.315</b>

**21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.962.902.707)	71.281.365.049
Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	921.080.910
Tổng thu nhập chịu thuế	(6.962.902.707)	72.202.445.959
Thu nhập tính thuế ở mức ưu đãi thuế suất		43.582.707.968
Thu nhập tính thuế suất thông thường		28.619.737.991
Thuế suất ưu đãi	10%	10%
Thuế suất đối với lợi nhuận từ hoạt động khác	20%	20%
Chi phí Thuế TNDN phải trả ước tính	-	10.082.218.395
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>10.082.218.395</b>

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**22.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(6.962.902.707)	61.199.146.654
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	124.225.000	124.225.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>(56)</b>	<b>493</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)**

**22.2 LỢI NHUẬN THUẦN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	(6.962.902.707)	61.199.146.654

**22.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN ĐANG LƯU HÀNH**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	124.225.000	124.225.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong kỳ	-	-
<b>Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành</b>	<b>124.225.000</b>	<b>124.225.000</b>

**23. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**24. THÔNG TIN KHÁC**

**24.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
- Tổng Công ty Phát điện 2 – CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	Công ty trong Tập đoàn
- Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3	Công ty trong Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	Công ty trong Tập đoàn
- Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	Công ty trong Tập đoàn
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Công ty trong Tập đoàn
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong Tập đoàn
- Công ty TNHH Năng lượng REE	Cổ đông lớn



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**24. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**24.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

Chức vụ	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023	
	đến 30/06/2024	đến 30/06/2023	
	VND	VND	
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>542.423.200</b>	<b>265.145.455</b>	
Ông Nguyễn Văn Tặng	Chủ tịch	206.393.600	194.400.000
Ông Vũ Hữu Phúc	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	198.749.600	11.345.455
Ông Nguyễn Anh Vũ	Thành viên	38.400.000	28.800.000
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên	40.800.000	15.300.000
Ông Ngô Minh Quân	Thành viên	17.280.000	-
Ông Nguyễn Trương Tiến Đạt	Thành viên độc lập	40.800.000	15.300.000
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>351.633.600</b>	<b>358.400.000</b>	
Ông Trần Lý	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	27.200.000
Ông Châu Đình Quốc	Phó Tổng Giám đốc	175.816.800	165.600.000
Ông Nguyễn Đức Phú	Phó Tổng Giám đốc	175.816.800	165.600.000
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>341.860.800</b>	<b>199.716.667</b>	
Ông Ngô Đức Thăng	Trưởng ban	183.460.800	172.800.000
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Phương	Thành viên	40.800.000	9.690.000
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Hoa	Thành viên	17.280.000	-
Ông Nguyễn Đức Nam	Thành viên	21.120.000	-
Bà Dương Kim Ngân	Thành viên	38.400.000	-
Ông Hoàng Kim Minh	Thành viên	40.800.000	-
Ông Tài Hoàng Nhật Quang	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	17.226.667
<b>Số dư với các bên liên quan</b>			
	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>			
Công ty Mua bán điện-Tập đoàn Điện lực Việt Nam	46.187.102.726	571.868.462.824	
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3	80.233.393	5.241.442.756	
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1	138.708.600	1.988.090.741	
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.741.474.603	707.127.759	
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	295.424.656	
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	-	50.838.000	
<b>Trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	149.000.000	-	

5302  
TY  
ẤN  
LIÊN  
HẠ  
PHÚ YÊN



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

**24. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**24.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>
<b>Doanh thu mua bán điện</b>	<b>140.038.020.214</b>	<b>243.252.479.373</b>
Công ty Mua bán điện-Tập đoàn Điện lực Việt Nam	140.038.020.214	243.252.479.373
<b>Mua dịch vụ</b>	<b>2.581.749.004</b>	<b>2.560.950.186</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3	1.140.000.000	1.167.019.444
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	957.728.559	1.067.648.512
Công ty Điện lực Phú Yên - Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	484.020.445	284.114.230
Trường Cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh-Tổng Công ty Điện lực Miền Nam		42.168.000
<b>Chia cổ tức</b>	<b>654.873.457.575</b>	<b>122.980.931.000</b>
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	408.645.457.575	76.740.931.000
Công ty TNHH Năng lượng REE	170.400.000.000	32.000.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	47.712.000.000	8.960.000.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	21.300.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	6.816.000.000	1.280.000.000

**24.2 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty đã được soát xét.

Phú Yên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

**Đặng Thị Lan**

Kế toán trưởng

**Đoàn Thị Mỹ Đông**



**Vũ Hữu Phúc**